

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH

Về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá; thể dục thể thao; môi trường.

2. Đối tượng điều chỉnh của Nghị định

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa;

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

3. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa, việc thực hiện các chính sách ưu đãi theo quy định tại Nghị định này do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

Điều kiện để cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại Nghị định này là cơ sở phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 3. Cơ sở ngoài công lập

1. Cơ sở ngoài công lập là cơ sở do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân, nhóm cá nhân hoặc cộng đồng dân cư thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tự bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước và hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở ngoài công lập được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy hoạch và đảm bảo các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường.

2. Nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

3. Nhà nước có nhiệm vụ giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Nhà nước áp dụng mức ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho cơ sở thực hiện xã hội hóa để khuyến khích đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ.

5. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng chính sách xã hội khi thụ hưởng các dịch vụ do cơ sở thực hiện xã hội hóa cung cấp; Phương thức hỗ trợ do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ.

7. Tài sản được Nhà nước hỗ trợ, hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chia cho cá nhân, chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

8. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được tham gia cung cấp các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

9. Cơ sở y tế ngoài công lập, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế có đủ điều kiện khám, chữa bệnh theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về y tế, được phép tổ chức khám, chữa bệnh cho các đối tượng có thể bảo hiểm y tế và do người có thể bảo hiểm y tế tự lựa chọn nơi khám, chữa bệnh.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HÓA

Điều 5. Cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, hoặc xây dựng nhà cửa, cơ sở hạ tầng để cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê dài hạn với giá ưu đãi. Mức giá ưu đãi tối đa không bao gồm tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng và tiền lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng trường học, bệnh viện, khu vui chơi, khu thể thao, bảo tàng, thư viện, nhà văn hoá, rạp hát, rạp chiếu phim... theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Giao đất, cho thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo các hình thức:

- a) Giao đất không thu tiền sử dụng đất;
- b) Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất;
- c) Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất.

Riêng đối với đất đô thị, đất ở giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ thực tế địa phương quy định chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền thuê đất, đồng thời quy định chế độ miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chủ đầu tư đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành) thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa sẽ được ngân sách nhà nước hoàn trả.

2. Trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất nhưng cơ sở thực hiện xã hội hóa có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện theo quy định miễn giảm tiền sử dụng đất) thì được thực hiện theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

Trong trường hợp này cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

3. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký lựa chọn một địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa thì thực hiện chọn nhà

đầu tư theo phương thức đấu thầu để lựa chọn dự án đáp ứng cao nhất các tiêu chí về quy mô, chất lượng, hiệu quả.

Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể việc đấu thầu dự án thuộc trường hợp này.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất hợp pháp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Nhà nước bảo hộ quyền sử dụng đất hợp pháp, quyền sở hữu nhà và tài sản theo quy định của pháp luật. Trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

5. Việc sử dụng đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đúng mục đích, phù hợp với quy hoạch và đúng các quy định của pháp luật về đất đai. Khi hết thời hạn giao đất, thuê đất nếu cơ sở thực hiện xã hội hóa không có nhu cầu tiếp tục sử dụng, bị giải thể, chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất đã được giao cho nhà nước; trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không có hiệu quả thì nhà nước sẽ thu hồi lại đất.

6. Khi được nhà nước giao đất và miễn thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và miễn thu tiền thuê đất, cơ sở thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị đất đang sử dụng vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng đất làm tài sản thế chấp để vay vốn.

7. Cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chuyển nhượng đất đã được Nhà nước giao để thực hiện dự án xã hội hóa. Trường hợp được chuyển nhượng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải bảo đảm việc sử dụng sau chuyển nhượng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Trong trường hợp này Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc thu hồi lại đất đã giao cho chủ đầu tư cũ để giao đất hoặc cho thuê đất đối với chủ đầu tư mới theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

8. Đối với đất nhận chuyển nhượng hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân, cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng vào tài sản của dự án đầu tư và được khấu hao thu hồi vốn đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất; được miễn các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định miễn, giảm phí sử dụng hạ tầng theo quy định của pháp luật đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 8. Về áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp

Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa mới thành lập kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 5 năm tiếp theo.

Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập mới kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tại các địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo và được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo nguyên tắc: Thời gian hưởng ưu đãi theo các quy định trước đây đã hết thì được hưởng thuế suất 10% kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Trường hợp thời gian hưởng ưu đãi theo quy định trước đây vẫn còn thì tiếp tục được hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định này sau khi trừ đi thời gian đã được hưởng ưu đãi trước đây. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể đối với những trường hợp này.

Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa có nhiều loại hình kinh doanh khác nhau phải tổ chức hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động xã hội hóa để được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa quy định tại Nghị định này thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chính sách ưu đãi về tín dụng

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng quy định tại Điều 1, Điều 2 Nghị định này được vay vốn tín dụng đàn tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của nhà nước.

Điều 10. Huy động vốn

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần, vốn góp từ người lao động trong đơn vị, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

Điều 11. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Người lao động thuộc cơ sở thực hiện xã hội hóa được thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 12. Khen thưởng

1. Tập thể và người lao động trong cơ sở thực hiện xã hội hóa có thành tích xuất sắc được Nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Các cá nhân, tập thể tham gia đóng góp cho các hoạt động xã hội hóa được Nhà nước ghi nhận, khuyến khích và khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn quy trình, thủ tục xét, khen thưởng các danh hiệu thi đua đối với các cá nhân, tập thể tham gia đóng góp cho hoạt động xã hội hóa và đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

Điều 13. Xử lý tài sản khi chuyển đổi hình thức hoạt động

1. Đối với đất: các cơ sở công lập, bán công được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển sang loại hình ngoài công lập hoặc doanh nghiệp, được Nhà nước tiếp tục giao đất cho cơ sở hoạt động. Đối với đất không đưa vào sử dụng, hoặc sử dụng không đúng mục đích cơ sở phải trả lại cho Nhà nước.

2. Đối với tài sản trên đất: phần tài sản đã đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được kiểm kê, đánh giá lại theo quy định và cho cơ sở ngoài công lập thuê hoặc ưu tiên mua lại.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển cơ sở công lập, bán công thành cơ sở ngoài công lập có quyền quyết định việc bán và cho thuê phần tài sản thuộc sở hữu nhà nước cho cơ sở ngoài công lập theo quy định quản lý tài sản hiện hành.

Đối với cơ sở do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, nay chuyển sang loại hình ngoài công lập hoặc doanh nghiệp, việc chuyển giao tài sản nhà nước giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3. Trường hợp bộ phận bán công thuộc các cơ sở công lập được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển trở về cơ sở công lập phải tiến hành kiểm kê, định giá tài sản theo quy định để theo dõi, quản lý theo chế độ quản lý tài sản hiện hành.

Tài sản hình thành từ vốn huy động ngoài ngân sách nhà nước để mua sắm, xây dựng trong quá trình hoạt động của bộ phận bán công được xử lý như sau:

a) Trường hợp người góp vốn muốn nhận lại tài sản thì tài sản sẽ được trả lại cho người góp vốn;

b) Trường hợp cơ sở công lập tiếp nhận có nhu cầu sử dụng và đồng ý tiếp nhận tài sản thì thông qua Hội đồng định giá để xác định giá làm cơ sở thanh toán với người góp vốn;

c) Trường hợp cơ sở công lập không có nhu cầu sử dụng tài sản và người góp vốn không muốn nhận, tài sản sẽ được bán thanh lý để trả lại cho người góp vốn.

4. Trường hợp cơ sở dân lập chuyển đổi thành cơ sở tư thực (tư nhân), trong đó số tài sản được tích lũy từ kết quả hoạt động của cơ sở dân lập là thuộc sở hữu tập thể, được xác định và chuyển giao cho cơ sở tư thực quản lý và sử dụng theo nguyên tắc bảo tồn, phát triển, không được chia cho cá nhân và được nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Chương III

NGUỒN THU VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Điều 14. Nguồn thu của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Thu phí, lệ phí.

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được tự quyết định mức thu trên cơ sở đảm bảo trang trải chi phí cần thiết cho quá trình hoạt động và có tích lũy để đầu tư phát triển.

2. Thu từ hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác.

3. Lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết; lãi từ tiền gửi ngân hàng, trái phiếu.

4. Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (nếu có) bao gồm:

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng;

b) Kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ;

c) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

d) Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng người lao động;

đ) Các khoản tài trợ, hỗ trợ lãi suất;

e) Khoản kinh phí khác.

5. Nguồn khác: viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng.

Điều 15. Phân phối kết quả tài chính của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính hàng năm, thu nhập của cơ sở thực hiện xã hội hóa sau khi đã trang trải các khoản chi phí, chi trả lãi vay, nộp đủ thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật được phân phối để trích lập các quỹ và chia lãi cho các thành viên góp vốn.

2. Đối với các cơ sở ngoài công lập, cơ sở được thành lập theo Luật Doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa: việc trích lập các quỹ, mức chi trả thu nhập cho người lao động và chia lãi cho các thành viên góp vốn do Hội đồng Quản trị (hay Hội đồng trường) hoặc Thủ trưởng (đối với cơ sở không có Hội đồng Quản trị) cơ sở ngoài công lập, cơ sở xã hội hóa được thành lập theo luật doanh nghiệp quyết định phù hợp với Điều lệ tổ chức hoạt động của cơ sở (đối với cơ sở ngoài công lập), với Luật Doanh nghiệp (đối với cơ sở xã hội hóa được thành lập theo Luật Doanh nghiệp).

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đăng ký với cơ quan thuế khi hoạt động làm căn cứ xác định ưu đãi và nghĩa vụ về thuế.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải tuân thủ theo điều lệ hoạt động, bảo đảm các điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, nhân lực, cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật để cung cấp cho xã hội các sản phẩm, dịch vụ đạt yêu cầu, tiêu chuẩn về nội dung và chất lượng.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm thực hiện công khai mức thu phí, lệ phí theo từng dịch vụ, công khai hoạt động, công khai tài chính theo quy định của pháp luật, công khai mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Định kỳ báo cáo tình hình hoạt động và tài chính của cơ sở gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính và cơ quan thuế cùng cấp theo quy định của pháp luật.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu cung cấp.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê; thực hiện kiểm toán hàng năm và công khai kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ CUNG ỨNG DỊCH VỤ THUỘC LĨNH VỰC XÃ HỘI HÓA

Điều 17. Nhiệm vụ của các Bộ quản lý chuyên ngành

1. Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo ngành, lĩnh vực và địa bàn.

2. Xây dựng định hướng xã hội hoá; hướng dẫn các tiêu chí về quy mô tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý để làm căn cứ thực hiện.

3. Ban hành các chính sách, chế độ khuyến khích xã hội hoá phù hợp với các hình thức hoạt động, phù hợp với yêu cầu phát triển của từng lĩnh vực trong từng thời kỳ và từng khu vực.

4. Quản lý thống nhất về nội dung, chương trình, yêu cầu về số lượng, chất lượng dịch vụ trong từng lĩnh vực làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện và theo dõi, giám sát của các cấp, các ngành và toàn xã hội.

5. Quyết định việc thành lập hoặc đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền.

6. Quản lý, tạo điều kiện về hợp tác quốc tế đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi phụ trách.

7. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa; xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng chương trình và có biện pháp quản lý chặt chẽ hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa, bảo đảm đúng mục đích, nội dung hoạt động và chất lượng dịch vụ theo quy định của từng chuyên ngành.

9. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện xã hội hoá thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa của toàn ngành và gửi về Bộ Tài chính vào tháng 2 hàng năm để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

10. Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường theo chức năng quản lý nhà nước của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan ban hành theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định:

a) Quy định điều kiện thành lập và hoạt động đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa. Ban hành tiêu chuẩn về lao động nghiệp vụ, cơ sở vật chất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa;

b) Quy định điều kiện, thủ tục và danh sách các cơ sở công lập chuyển sang loại hình ngoài công lập hoặc hoạt động theo loại hình doanh nghiệp;

c) Xác định lộ trình và thủ tục chuyển các cơ sở bán công sang loại hình ngoài công lập hoặc hoạt động theo loại hình doanh nghiệp.

Điều 18. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng quy hoạch, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đất đai; có trách nhiệm công bố công khai trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 về quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa.

2. Xây dựng kế hoạch đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa.

3. Giao nhiệm vụ cho tổ chức phát triển quỹ đất hoặc đơn vị nhà nước của địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trước khi giao đất, cho thuê đất theo quy hoạch cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc đơn vị nhà nước được giao nhiệm vụ này của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với đất phục vụ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Ngân sách trung ương thực hiện cơ chế hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương có khó khăn, phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương để thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Mức hỗ trợ bằng 70% đối với các tỉnh miền núi; 50% đối với các tỉnh còn lại. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc sử dụng nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số đã được để lại, nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo phần kinh phí còn lại.

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu về ngân sách trung ương chủ động bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa.

4. Chỉ đạo, phân công các cơ quan liên quan thực hiện việc đấu thầu dự án cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định tại Nghị định này.

5. Căn cứ vào khả năng của ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cơ chế, mức hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hoá.

6. Khi xây dựng hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động xã hội hóa; khi xây dựng quy hoạch, quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển các khu đô thị mới, khu công nghiệp phải dành quỹ đất theo quy hoạch để đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

7. Công bố công khai quy trình, thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

8. Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, ban hành các chế độ ưu đãi cụ thể nhằm khuyến khích, thúc đẩy, mở rộng các hình thức xã hội hóa; thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành.

9. Thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với các cơ sở thực hiện xã hội hoá về việc quản lý sử dụng đất đai đúng mục tiêu, hiệu quả; thực hiện xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

10. Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa của địa phương theo từng lĩnh vực vào tháng 1 hàng năm và gửi các Bộ quản lý chuyên ngành để tổng hợp gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 19. Thẩm quyền cho phép thành lập, chuyển đổi hình thức hoạt động từ công lập sang ngoài công lập và đình chỉ, giải thể hoạt động

1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập các cơ sở công lập, bán công thì có quyền quyết định việc chuyển đổi loại hình hoạt động từ công lập, bán công sang ngoài công lập hoặc chuyển đổi cơ sở công lập sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền quyết định thành lập mới cơ sở ngoài công lập thuộc các lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập các cơ sở ngoài công lập thì có quyền đình chỉ hoạt động hoặc giải thể khi các cơ sở ngoài công lập vi phạm nghiêm trọng các quy định trong giấy phép hoạt động được cấp hoặc vi phạm các quy định của pháp luật.

Điều 20. Thành lập các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài

Việc thành lập các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa theo quy định tại Nghị định này, thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các quy định trước đây về chính sách khuyến khích xã hội hoá thuộc các lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa; thể dục thể thao; môi trường trái với quy định tại Nghị định này đều bãi bỏ.

Các cơ sở ngoài công lập thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định này được thành lập theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999; Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ đăng ký với cơ quan cấp phép hoạt động và cơ quan thuế để được hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định này.

Các tổ chức cá nhân thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đang có các dự án độc lập hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thuộc danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan thuế để được hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định này.

Điều 22. Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: xây dựng danh mục các loại hình, tiêu chí về quy mô và tiêu chuẩn chất lượng của từng lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; xây dựng và ban hành theo thẩm quyền tiêu chuẩn, quy trình tổ chức thực hiện và thành lập các cơ quan kiểm định chất lượng đối với các đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Nghị định này phù hợp với đặc điểm hoạt động và tổ chức của từng lĩnh vực.

Điều 23. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng-Đã ký